



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000003	1101040381	Nguyễn Phạm Quốc	Việt	23/06/2005	CT11A	03		5,0		Việt	
2	000004	1101061350	Tạ Thị Minh	Trang	12/08/2005	KA11A	03		6,0		Trang	
3	000005	1001020185	Nguyễn Khánh	Ly	03/09/2004	KD10A	03		5,0		Ly	
4	000006	1001020318	Nguyễn Thu	Trang	26/06/2004	KD10E	03		5,5		Trang	
5	000007	1101020153	Ngô Phương	Linh	23/01/2005	KD11A	03		5,5		Linh	
6	000008	1101020318	Cao Thị Thanh	Tuyền	12/06/2005	KD11A	03		6,5		Tuyền	
7	000009	1101020026	Phạm Hoàng Hà	Anh	08/07/2005	KD11C	03		6,0		Anh	
8	000010	1101020164	Trần Phương	Linh	07/04/2005	KD11C	03		6,0		Linh	
9	000011	1101020199	Lê Hồng	Ngân	11/07/2005	KD11C	03		6,0		Ngân	
10	000012	1101020279	Lê Hồng	Thức	05/10/2005	KD11C	03		5,5		Thức	
11	000013	1101020286	Trần Phương	Thùy	20/01/2005	KD11C	03		7,5		Thùy	
12	000014	1101020326	Nguyễn Hà	Vy	18/04/2005	KD11C	03		7,0		Vy	
13	000015	1101020067	Đào Thị Thùy	Dương	22/12/2005	KD11D	03		5,5		Dương	
14	000016	1101020117	Đỗ Thị Khánh	Huyền	23/09/2005	KD11D	03		7,0		Huyền	
15	000017	1101020145	Hoàng Thị Thùy	Linh	11/12/2005	KD11D	03		5,5		Linh	
16	000018	1101020957	Nguyễn Thị	Hào	16/07/2005	KD11E	03		5,0		Hào	
17	000019	1101020114	Phạm Thúy	Hường	02/10/2005	KD11E	03		6,0		Hường	
18	000020	1101020148	Lương Hải Khánh	Linh	02/09/2005	KD11E	03		7,0		Linh	
19	000021	1101021364	Phạm Hồng	Nhung	03/08/2005	KD11E	03		7,0		Nhung	
20	000022	1101020166	Vũ Nguyễn Thùy	Linh	12/08/2005	KD11G	03		6,0		Linh	
21	000023	1101020276	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/11/2005	KD11G	03		5,0		Thư	
22	000024	0901020412	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	28/10/2003	KD9G	03		4,5		Ngân	HP
23	000025	0901020171	Vũ Thu	Phương	10/10/2003	KD9H	03		5,5		Phương	HP
24	000026	1101071135	Đỗ Thị Anh	Phương	23/10/2005	KL11A	03		7,0		Phương	
25	000027	1001010804	Lê Phương	Liên	21/09/2004	NH10A	03		6,0		Liên	
26	000028	1001010886	Vũ Thanh	Trúc	08/03/2004	NH10A	03		5,0		Trúc	
27	000029	1101010870	Trần Bích	Ngọc	22/03/2005	NH11A	03		6,0		Ngọc	HP
28	000030	1101070458	Đỗ Thiên	Trang	01/05/2005	QL11A	03		5,0		Trang	
29	000031	1101030591	Đỗ Khánh	Linh	20/03/2005	QM11A	03		6,0		Linh	
30	000032	1101030596	Lê Thùy	Linh	04/09/2005	QM11A	03		6,0		Linh	HP
31	000033	1001031391	Phạm Thùy	Linh	14/07/2004	QT10B	03		4,0		Linh	
32	000034	1101031146	Trịnh Hương	An	08/04/2005	QT11A	03		4,0		An	
33	000035	1101030608	Đào Văn	Lộc	19/11/2005	QT11A	03		4,0		Lộc	
34	000036	1101030947	Giang Thị	Hà	25/12/2005	QT11B	03		6,0		Hà	HP

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
35	000037	1101030542	Nguyễn Thị Thu	Hằng	14/02/2005	QT11B	03		5,5		Hằng	
36	000038	1101030642	Nguyễn Kim	Ngân	03/08/2005	QT11B	03		5,5		Ngân	
37	000039	1101031007	Nguyễn Thúy	Ngân	13/03/2005	QT11B	03					HP, DK
38	000040	1101030755	Chữ Thị	Yến	11/06/2005	QT11B	03		6,0		Yến	
39	000041	1101081106	Trần Thị Thùy	Linh	21/10/2005	TM11A	03		6,0		Linh	HP

Tổng số sinh viên dự thi: ... 38 ...

Tổng số tờ giấy thi:

Tổng số biên bản: 0

Ngày .. 2 ... tháng 9 ... Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

(Signature)

Đặng Hòa Nam

(Signature)

Đỗ Mạnh Tuấn



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000042	1001040010	Nguyễn Đình Trường	Giang	30/05/2004	CT10A	04		6,5		Giang	HP
2	000043	1001020136	Lê Mạnh	Hùng	06/11/2004	KD10B	04		1,5		Hùng	HP
3	000044	1001020127	Nguyễn Phương	Hoa	22/10/2004	KD10D	04		6,5		Hoa	
4	000045	1101020023	Nguyễn Thị Lan	Anh	11/01/2005	KD11A	04		7,0		Anh	
5	000046	1101020115	Phùng Thị	Hường	07/05/2005	KD11A	04		5,0		Hường	
6	000047	1101020972	Đào Thị Thanh	Huyền	16/09/2005	KD11A	04		8,0		Huyền	
7	000048	1101020206	Nguyễn Bích	Ngọc	03/10/2005	KD11A	04		3,0		Ngọc	
8	000049	1101021341	Lê Thị Như	Quỳnh	17/04/2005	KD11A	04		3,0		Quỳnh	
9	000050	1101020273	Đỗ Minh	Thư	14/03/2005	KD11A	04		0,5		Thư	
10	000051	1101020980	Trần Thị Phương	Liên	23/10/2005	KD11B	04		5,0		Liên	
11	000052	1101020948	Lê Thị Thu	Hà	01/07/2005	KD11C	04		8,0		Hà	
12	000053	1101020162	Phạm Thùy	Linh	07/03/2005	KD11C	04		6,0		Linh	
13	000054	1101020259	Bùi Thị Phương	Thanh	23/11/2005	KD11C	04		5,5		Thanh	
14	000055	1101021329	Phạm Thu	Hường	18/08/2000	KD11D	04		7,0		Thu	HP
15	000056	1101020247	Đào Diễm	Quỳnh	26/12/2005	KD11D	04		8,5		Quỳnh	HP
16	000057	1101021038	Nguyễn Thu	Thảo	29/05/2005	KD11D	04		6,0		Thảo	
17	000058	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	04		7,0		Vinh	HP
18	000059	1101020040	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/10/2005	KD11E	04		6,5		Ánh	
19	000060	1001020101	Nguyễn Trà	Giang	26/02/2004	KD11E	04		3,0		Giang	
20	000061	1101020084	Phạm Thị Hồng	Hà	01/03/2005	KD11E	04		5,0		Hà	
21	000062	1101021013	Lương Bảo	Ngọc	07/06/2005	KD11E	04		2,0		Ngọc	
22	000063	1101020045	Phạm Thanh	Bình	11/11/2005	KD11G	04		7,0		Bình	
23	000064	1101020236	Lý Thu	Phương	28/07/2005	KD11G	04		5,0		Thu	
24	000065	1101070432	Lê Thị Nhật	Dương	18/03/2005	KL11A	04		5,0		Dương	
25	000066	1101071425	Nguyễn Tùng	Dương	10/02/2005	KL11A	04		7,0		Tùng	
26	000067	1101070438	Ninh Thị Thu	Huệ	28/12/2005	KL11A	04		6,0		Huệ	
27	000068	1101070446	Nguyễn Hà	Mai	17/06/2005	KL11A	04		5,5		Mai	
28	000069	1101071130	Bùi Ngọc Quang	Minh	10/11/2005	KL11A	04		5,0		Minh	
29	000070	1001010785	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	12/08/2004	NH10A	04		5,0		Hòa	
30	000071	1001010813	Nguyễn Hà	Linh	24/08/2004	NH10A	04		5,5		Linh	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000072	1001010815	Trịnh Văn	Lộc	13/10/2004	NH10A	04		4,0		Loi	
32	000073	1101010877	Lê Quỳnh	Như	12/06/2005	NH11A	04		4,5		Như	
33	000074	1101070440	Đào Ngọc	Huyền	22/08/2005	QL11A	04		5,0		Huyền	
34	000075	1001030547	Đào Anh	Hào	15/01/2003	QM10A	04		3,0		Hào	
35	000076	1001011453	Đào Ngọc	Minh	18/07/2004	TC10A	04		1,5		Minh	
36	000077	1101080403	Lê Thùy	Linh	06/12/2005	TM11A	04		5,5		Linh	

Tổng số sinh viên dự thi: 36.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày ... tháng ... Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2


Đặng Hoàng Nam


Đỗ Ngọc Tuấn